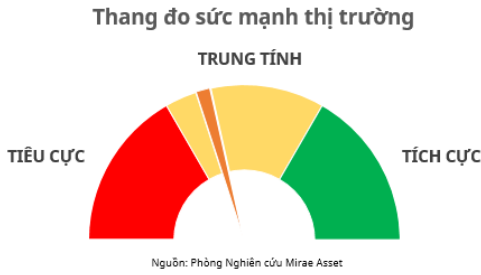


11 Tháng Chín 2020

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn



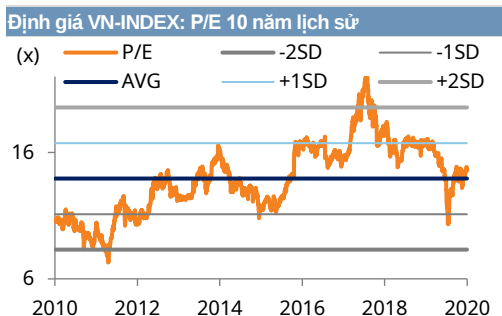
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	888.97	-1.39	5.44	-8.29
HNX INDEX	126.21	0.05	8.52	25.99
VN30 INDEX	825.56	-1.78	5.22	-6.77
MSCI EM	1,085.31	-1.29	-0.54	6.71
NIKKEI	23,406.49	0.87	2.88	8.37
HANG SENG	24,503.31	-0.78	-1.56	-9.78
KOSPI	2,396.69	1.20	-0.91	16.96
FTSE	6,021.28	3.83	-2.16	-17.94
S&P 500	3,339.19	-6.75	0.16	11.27
NASDAQ	10,919.59	-9.43	1.27	33.66

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	14.61	1.95	13.32

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.50	0	0	-175
3 năm	0.69	-8	-9	-224
10 năm	2.86	-4	1	-122

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
USD/VND	23,176	-0.03	-0.05	0.10
USD/KRW	1,186.9	0.23	-0.11	0.33
USD/JPY	106.21	0.03	0.26	1.52
USD/CNY	6.84	0.11	1.63	4.11

Giá hàng hóa				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
Dầu WTI	37.27	-9.91	-10.43	-33.15
Thép	536	1.71	14.78	-5.13
Đường	11.98	-0.75	-5.97	10.82
Cà phê	1,506	-1.70	8.89	14.00
Cao su	131.50	-3.31	1.47	-1.20
Nickel	14,832	-1.74	3.82	-17.81
Đồng	6,669	1.60	4.25	14.48
Thiếc	18,000	-1.23	1.60	3.33



Nhận định thị trường

Nhóm bluechip vào diễn biến điều chỉnh tuy nhiên nhiều cổ phiếu mid-cap có diễn biến tích cực

Tâm lý ngại kháng cự 900 điểm của VN-Index đã làm NĐT đẩy mạnh bán ra trong phiên đầu tuần, kéo VN-Index giảm hơn 13 điểm trong phiên này, chốt phiên tại 888,25. Trong 4 phiên còn lại của tuần, chỉ số cũng chỉ dao động nhẹ quanh ngưỡng này với 2 phiên tăng nhẹ và 2 phiên giảm nhẹ xen kẽ. Chốt tuần tại 888,97, VN-Index跌 mất 12,5 điểm (-1,39%) so với mức đóng cửa của tuần trước.

Trong tuần xuất hiện diễn biến phân hóa giữa 2 dòng cổ phiếu, các cổ phiếu bluechip như nhóm Ngân hàng, Bất động sản, Dầu khí, Thép... sau 2 tuần tăng mạnh đã có diễn biến điều chỉnh giảm trong tuần với mức giảm phổ biến từ 2 – 5%. Nhóm cổ phiếu mid-cap lại có diễn biến khả quan hơn khi các cổ phiếu có kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong 6 tháng đầu năm như Phân bón (DPM, BFC, DCM...), Cảng biển (GMD, VSC...), Bất động sản (PDR, HDC, NLG...).

Trong tuần khối ngoại có 3 phiên bán ròng và 2 phiên mua ròng, khối này đã mua ròng 4.175 tỷ đồng trong tuần. Giá trị mua ròng chủ yếu đến từ giao dịch thỏa thuận của VHM trong phiên ngày 10/09 lên đến hơn 4.700 tỷ đồng. PLX là mã được mua ròng nhiều thứ 2 với giá trị 219 tỷ đồng, thứ 3 là chứng chỉ quỹ ETF VN Diamond với giá trị 142 tỷ đồng. Chiều bán ròng dẫn đầu là HPG với giá trị bán ròng 523 tỷ đồng, KDH xếp thứ 2 với giá trị 146 tỷ đồng.

VN-Index đang trong diễn biến điều chỉnh sau khi kiểm tra kháng cự 900 trong tuần trước. VN-Index đang có dấu hiệu cân bằng tại vùng 883 – 885, hỗ trợ theo chỉ báo kỹ thuật được kỳ vọng là vùng 875 – 880 tại ngưỡng MA 20 ngày. Trong ngắn hạn thị trường có thể sẽ tiếp tục đi ngang vùng 880 – 900 trong tuần sau nhưng tín hiệu dòng tiền đang cho cơ hội ở nhóm cổ phiếu mid-caps có kết quả kinh doanh 6 tháng khả quan. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức -2 (TRUNG TÍNH).

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, Phuong.pb@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-6	TIÊU CỰC
Kospi	2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	3	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-6	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Bản tin tuần

Thanh khoản thị trường:

Trong tuần, thanh khoản ghi nhận mức giảm 8,5%, về mức 5.125 tỷ đồng, đây cũng là mức cao trong giai đoạn hồi phục từ tháng 3/2020 đến nay. Thanh khoản giảm nhưng dòng tiền không giảm đồng loạt mà có sự phân hóa, trong đó các ngành quan trọng có thanh khoản giảm như: Ngân hàng giảm 22,8% về mức trung bình, Vận tải giảm 22% về mức trung bình, Bán lẻ giảm 9,9% về mức trung bình.

Các ngành quan trọng ghi nhận mức thanh khoản tăng như Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá, tăng 3,3% duy trì mức tích cực, Dịch vụ tài chính tăng 9,6% duy trì mức tích cực, Xây dựng cơ bản tăng 1,8% duy trì mức tích cực.

Các ngành Bất động sản, Tiện ích, Nguyên vật liệu, Bảo hiểm dù ghi nhận thanh khoản giảm nhưng thanh khoản vẫn được duy trì mức tích cực.

Tuần	31	32	33	34	35	36	Điểm thanh khoản	Thay đổi so với tuần trước
Ngày kết thúc tuần	8/7/2020	8/14/2020	8/21/2020	8/28/2020	9/4/2020	9/11/2020		
Ngân hàng	390	478	483	803	812	627	63%	-22.8%
Bất động sản	619	747	653	862	910	869	91%	-4.5%
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	568	594	472	663	752	776	98%	3.3%
Tiện ích	92	123	86	130	132	131	78%	-0.3%
Vận tải	102	107	107	164	176	137	76%	-22.0%
Nguyên vật liệu	780	771	747	851	909	823	89%	-9.5%
Xây dựng cơ bản	541	567	510	850	724	737	70%	1.8%
Năng lượng	73	94	87	230	250	150	89%	-40.0%
Bán lẻ	69	73	71	154	114	103	52%	-9.9%
Bảo hiểm	34	27	26	60	94	72	96%	-23.4%
Thiết bị và phần cứng	83	87	80	187	125	97	48%	-22.2%
Dịch vụ tài chính	145	167	140	244	253	277	98%	9.6%
Dược phẩm	11	12	26	33	22	20	63%	-9.7%
May mặc và trang sức	92	83	84	115	128	99	89%	-22.7%
Ô tô và phụ tùng	9	11	8	13	13	18	81%	35.7%
Dịch vụ tiêu dùng	26	21	15	21	21	20	61%	-1.4%
Dịch vụ thương mại	4	3	3	7	5	4	63%	-7.3%
Phần mềm và dịch vụ	2	2	4	7	11	6	94%	-46.0%
Hàng cá nhân và gia dụng	19	14	17	98	50	55	98%	9.3%
Dịch vụ và thiết bị y tế	1	1	3	8	13	7	93%	-49.8%
Giải trí và truyền thông	0.47	0.91	0.28	0.97	0.57	0.65	15%	14.9%
Dịch vụ viễn thông	0.00	0.02	0.00	0.03	0.01	0.05	70%	422.6%
	3,727	4,063	3,700	5,592	5,601	5,125	93%	
	-10.0%	9.0%	-8.9%	51.1%	0.1%	-8.5%		

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset. Dữ liệu Fiinpro.

Thang đo màu: (1) Xanh: Tích cực; (2) Vàng: Trung bình; (3) Đỏ: Tiêu cực.

Đơn vị tính: Ngoài trừ % tăng / giảm hằng tuần, giá trị giao dịch được tính bằng tỷ đồng.

Bản tin thị trường

Bản tin tuần

Top một số cổ phiếu đang có tính hiệu dòng tiền tốt

Phân ngành (GICS)	Mã	Điểm thanh khoản	Giá trị giao dịch bình quân trong tuần (triệu đồng)					
			8/7/2020	8/14/2020	8/21/2020	8/28/2020	9/4/2020	9/11/2020
Bảo hiểm	BVH	94%	29,291	22,253	19,522	41,173	79,865	60,747
Bất động sản	KOS	98%	18,392	19,265	20,263	20,969	22,076	21,180
Bất động sản	PDR	100%	18,402	21,242	26,070	28,410	33,330	34,859
Bất động sản	D2D	81%	10,975	14,532	27,960	25,556	27,469	17,861
Bất động sản	AGG	100%	10,220	13,625	14,761	16,537	16,283	20,038
Bất động sản	CRE	93%	16,273	17,549	23,293	29,846	28,621	26,656
Bất động sản	HPX	83%	11,900	9,429	11,963	11,634	14,452	12,350
Bất động sản	NVL	96%	131,340	133,053	60,861	71,434	78,628	101,693
Bất động sản	LHG	89%	16,062	20,068	10,753	14,407	13,331	12,517
Bất động sản	VPI	89%	25,546	33,919	25,156	22,870	27,757	27,635
Bất động sản	HDC	94%	13,074	25,240	23,447	19,781	20,088	25,007
Bất động sản	VHM	87%	101,572	115,902	115,013	154,551	164,914	194,702
Bất động sản	DRH	93%	8,019	8,836	5,649	17,247	8,220	15,030
Bất động sản	HQC	81%	16,840	16,652	8,020	22,470	12,010	17,339
Dịch vụ tài chính	VCI	98%	6,171	9,765	13,793	30,042	32,710	30,543
Dịch vụ tài chính	HCM	100%	31,767	44,867	29,061	63,384	72,695	73,206
Dịch vụ tài chính	OGC	94%	10,183	18,110	28,468	31,960	29,153	24,675
Dịch vụ tài chính	SSI	100%	60,094	57,113	43,060	80,388	83,746	115,357
Dược phẩm	DMC	98%	3,183	2,554	8,619	10,978	11,480	13,909
Hàng cá nhân và gia dụng	DGC	98%	15,553	11,508	13,068	94,020	46,353	51,661
May mặc và trang sức	TTF	98%	7,966	5,770	10,065	6,053	42,142	26,017
May mặc và trang sức	TCM	91%	36,966	34,881	25,229	28,771	30,268	25,626
May mặc và trang sức	GIL	100%	13,190	10,744	9,885	12,300	7,963	13,478
Năng lượng	PLX	94%	15,860	22,199	17,273	110,089	139,694	83,396
Ngân hàng	TPB	100%	835	769	2,137	5,743	8,845	29,635
Nguyên vật liệu	HT1	96%	5,128	11,517	11,823	18,360	17,917	17,608
Nguyên vật liệu	HPG	87%	375,525	270,770	200,520	300,465	393,469	344,540
Nguyên vật liệu	HAP	96%	1,256	4,264	14,572	19,763	7,119	11,876
Nguyên vật liệu	KSB	96%	35,468	47,155	52,573	40,997	44,904	46,824
Nguyên vật liệu	DPM	89%	31,143	47,086	67,438	72,709	56,556	56,683
Nguyên vật liệu	NKG	87%	7,576	7,139	7,248	13,705	15,238	14,295
Nguyên vật liệu	BFC	100%	5,179	9,646	10,546	11,681	8,166	13,089
Nguyên vật liệu	DCM	89%	9,666	18,059	17,971	21,433	18,022	19,489
Nguyên vật liệu	CSV	100%	3,281	3,162	2,323	6,944	5,604	11,330
Nguyên vật liệu	DHC	85%	52,291	57,549	35,767	40,398	33,351	36,946
Nguyên vật liệu	PTB	87%	3,457	3,905	5,004	11,211	7,335	12,612
Ô tô và phụ tùng	DRC	87%	6,312	7,217	6,291	10,588	10,140	16,024
Thiết bị và phần cứng	DGW	91%	24,841	20,511	27,190	30,317	31,321	25,966
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	FMC	100%	3,885	3,566	6,758	6,973	13,049	16,494
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	VHC	94%	17,801	16,069	21,081	22,561	35,098	27,402
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	GTN	98%	51,330	70,055	39,592	84,967	67,134	76,723

Phân ngành (GICS)	Mã	Điểm thanh khoản	Giá trị giao dịch bình quân trong tuần (triệu đồng)					
			8/7/2020	8/14/2020	8/21/2020	8/28/2020	9/4/2020	9/11/2020
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	HNG	100%	10,546	7,087	9,019	20,654	17,969	53,857
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	VNM	83%	113,156	152,547	107,225	171,193	209,274	185,204
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	SAB	83%	38,037	27,393	16,784	18,237	33,119	21,461
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	KDC	94%	19,531	32,203	27,853	38,440	25,956	27,862
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	HAG	98%	22,699	16,336	21,039	26,235	26,013	55,368
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	CMX	96%	4,608	4,462	5,972	7,108	5,953	14,888
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	IDI	98%	2,940	7,550	4,168	5,099	3,346	15,590
Vận tải	GMD	91%	9,784	12,931	20,751	15,518	14,966	16,286
Xây dựng cơ bản	GEX	100%	69,020	85,335	105,136	169,203	225,319	227,834
Xây dựng cơ bản	HDG	100%	32,062	31,523	39,177	42,816	44,831	53,848
Xây dựng cơ bản	VPG	100%	3,266	6,360	9,548	10,685	9,057	12,051
Xây dựng cơ bản	TIP	94%	4,674	12,032	11,903	12,824	10,170	11,275
Xây dựng cơ bản	VGC	91%	36,867	15,557	10,746	16,354	14,224	13,047
Xây dựng cơ bản	TCH	87%	42,420	61,323	51,843	177,075	79,378	78,120
Xây dựng cơ bản	SZC	85%	50,138	57,358	39,088	52,822	42,939	38,122
Xây dựng cơ bản	HHS	85%	15,167	9,614	9,265	15,654	12,142	13,078
Xây dựng cơ bản	DIG	100%	11,385	12,900	16,431	25,835	18,779	30,495
Xây dựng cơ bản	FCN	91%	6,357	5,386	6,581	9,330	5,872	10,102

Nguồn: Dữ liệu Finpro, Phòng phân tích Mirae Asset

Ghi chú: Tín hiệu được đánh giá từ mức 0% (rất thấp) đến 100% (rất cao). Lưu ý rằng, tín hiệu thanh khoản này thay đổi theo thị trường, được chúng tôi cập nhật hằng tuần trong bản tin tuần.

Thang đo màu: Theo đó, từ mức 0% đến 33,3% được đánh giá là thanh khoản đang ở mức thấp (ĐỎ), từ 77,7% đến 100% được đánh giá là thanh khoản đang ở mức tốt (XANH), còn lại ở mức trung bình (VÀNG).

Bản tin tuần

Thị trường trái phiếu:

- **Thị trường trái phiếu:** Trong tuần KBNN đã huy động thành công toàn bộ 5.500 tỷ đồng phát hành lần đầu và 2.500 tỷ đồng phát hành bổ sung. Nhu cầu thị trường ở mức cao khi tỷ lệ chào mua/ gọi thầu đạt 2,4 lần so với mức trung bình 2 lần của tháng 8 và 2,3 lần của tháng 7). Lợi suất trúng thầu ở các kỳ hạn có biến động nhỏ, cụ thể như sau: (1) Kỳ hạn 5 năm lợi suất giảm 2bps về 1,68%; (2) Kỳ hạn 10 năm và 15 năm lợi suất không đổi ở mức 2,9% và 3,07%; (3) kỳ hạn 20 năm lợi suất trúng thầu tăng 2bps lên 3,36%.
- Tuần sau, KBNN sẽ tiến hành đấu thầu 7.000 tỷ đồng TPCP vào ngày 09/09 tại các kỳ hạn 5 năm, 10 năm, 15 năm và 30 năm với giá trị lần lượt 1.000 tỷ đồng, 4.000 tỷ đồng, 1.500 tỷ đồng và 500 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Tại ngày 01/09, lãi suất O/N, 1 tuần và 2 tuần đã giảm nhẹ về các mức 0,16% (-3bps), 0,28% (-1bps) và 0,29% (-8bps), lãi suất 1 tháng giữ nguyên ở mức 0,4%. Trong khi tại các kỳ hạn dài hơn ghi nhận mức tăng như kỳ hạn 3 tháng tăng 69bps lên 3,58%, kỳ hạn 6 tháng tăng 23bps lên 3,17%.
- **Tỷ giá VND/USD tham chiếu** đã giảm 0,009% về mức 23.206 VND/USD. Tỷ giá mua – bán trên thị trường tự do đã tăng ở cả chiều mua và bán 0,043% lên mức 23.190 – 23.220 VND/USD. Trong khi tỷ giá giao dịch của NHTM không đổi ở mức 23.060 – 23.270 VND/USD.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

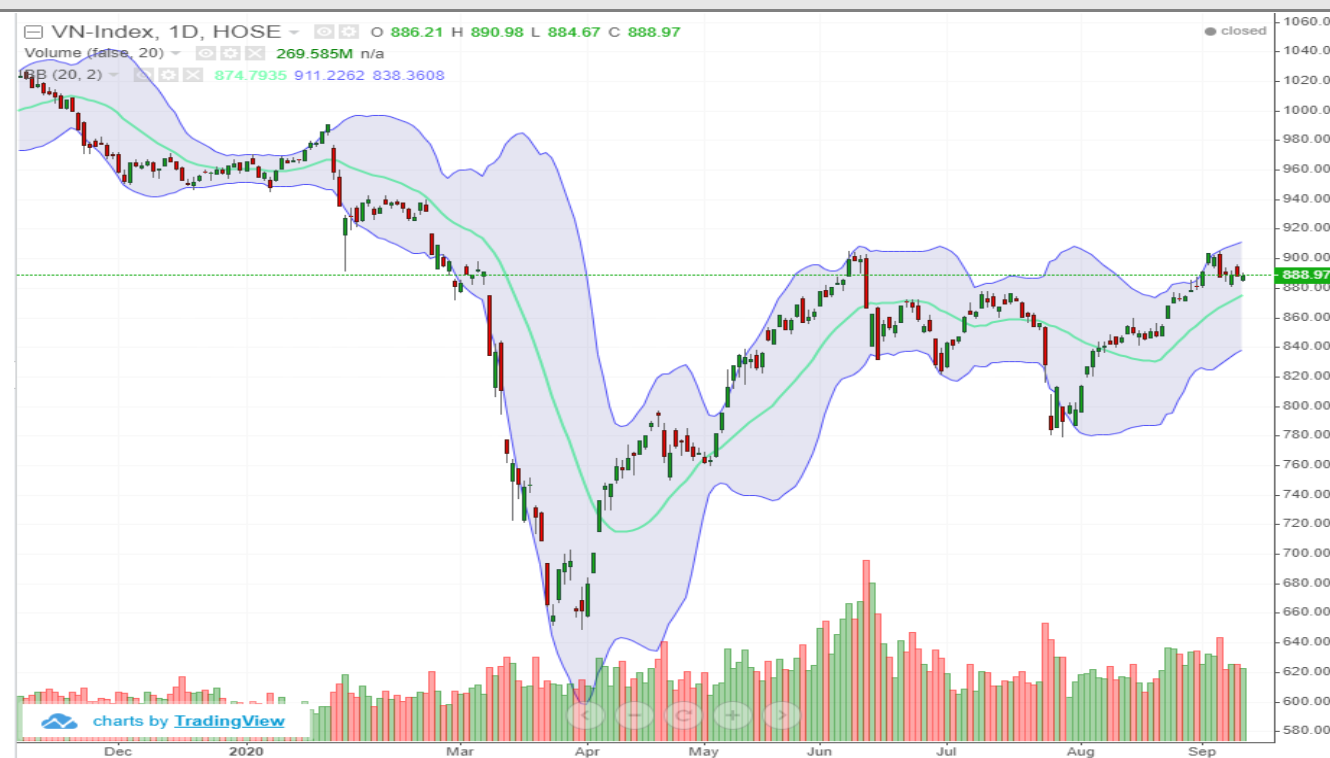
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (04/09/2020)	Kháng cự 1	900
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Kháng cự 2	940 – 960
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	875 – 880
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	850

VN-Index có thể sẽ tiếp tục diễn biến đi ngang trong biên độ 880 – 890 trong tuần sau. Chúng tôi nhận thấy chỉ số này hiện có vùng cân bằng ngắn hạn tại 883 – 885, nếu tiếp tục duy trì vùng cân bằng này trong phiên tiếp theo, nhiều khả năng VN-Index sẽ kiểm định ngưỡng 900 trong tuần sau. Trường hợp không giữ được vùng cân bằng này, VN-Index sẽ về hỗ trợ 875 – 880 là ngưỡng MA 20 ngày.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

Bản tin thị trường

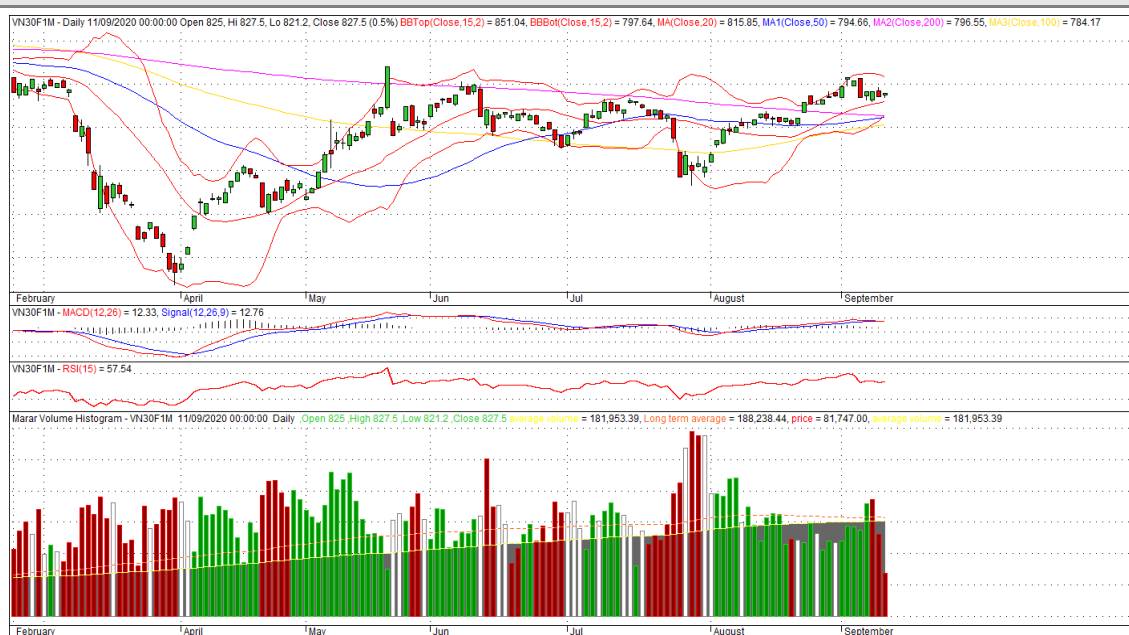
Nhận định phái sinh

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	-1	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	-4	TIỂU CỰC

- Ở phiên giao dịch cuối tuần hợp đồng phái sinh tháng 9 (VN30F1M) hồi phục tích cực trong phiên, đóng cửa tuần ở mức 827.9 điểm. Hiện tại, độ lệch giữa VN30F1M và VN30 thực đang ở mức +2,34 điểm.
- Xu hướng điều chỉnh và giảm điểm là xu hướng chính mà chúng tôi đánh giá cho tuần sau khi VN30F1M đã đóng cửa ở dưới các mức hỗ trợ ngắn hạn quan trọng. Xu hướng mở vị thế mới như sau:

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	830.00	+ Long	n/a
+ Stop loss (Cắt lỗ)	835.00	+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a
+ Take profit (Chốt lời)	800.00	+ Take profit (Chốt lời)	n/a

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Fiinpro

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/B
Đơn vị	(VNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	12.55	3,371,223	-2	TRUNG TÍNH	81,010	9.3	1.5
ACB	20.8	7,033,970	-7	TIÊU CỰC	255,595	11.6	3.7
ACV	61.3	207,860	0	TRUNG TÍNH	215,583	22.4	7.2
AMD	2.62	1,917,034	-2	TRUNG TÍNH	95,319	8.5	1.2
ASM	6.71	1,929,644	-4	TIÊU CỰC	55,703	5.5	1.2
BID	40.45	1,305,090	7	KHẢ QUAN	5,228	5.0	1.4
BMP	56.2	155,782	-2	TRUNG TÍNH	43,044	5.1	1.0
BSR	6.7	1,671,215	-5	TIÊU CỰC	20,111	8.3	0.7
BVH	47.65	979,182	6	KHẢ QUAN	64,534	26.9	2.3
CII	17.95	1,351,119	-6	TIÊU CỰC	305,241	16.7	3.4
CMX	17.05	529,934	-4	TIÊU CỰC	44,960	7.2	1.5
CTD	73.7	644,351	2	TRUNG TÍNH	42,280	11.2	3.0
CTG	25.6	5,341,650	4	KHẢ QUAN	5,288	6.7	0.9
CTI	14.65	819,826	-4	TIÊU CỰC	38,529	11.5	2.6
CTR	41.4	293,655	0	TRUNG TÍNH	7,927	10.0	2.6
D2D	70.6	368,516	7	KHẢ QUAN	25,628	9.0	1.1
DBC	49.9	2,432,555	4	KHẢ QUAN	64,608	16.9	2.8
DCM	9.4	2,107,737	4	KHẢ QUAN	9,465	9.2	1.0
DGW	52.6	595,133	0	TRUNG TÍNH	162,691	19.0	2.1
DHC	46.5	833,347	-6	TIÊU CỰC	4,590	18.6	0.3
DIG	13.65	1,711,255	-2	TRUNG TÍNH	13,395	12.9	2.8
DPM	16.85	3,964,445	2	TRUNG TÍNH	308,139	39.0	3.7
DRC	18.55	626,033	-6	TIÊU CỰC	137,422	13.9	2.6
DRH	7.39	1,627,697	-2	TRUNG TÍNH	61,065	15.9	2.7
DXG	9.97	4,913,683	-6	TIÊU CỰC	5,879	9.2	0.5
FLC	3.12	5,126,865	-4	TIÊU CỰC	74,553	6.9	1.1
FPT	49.15	1,898,235	-6	TIÊU CỰC	23,419	10.7	0.8
FRT	24.1	655,292	0	TRUNG TÍNH	11,867	18.1	1.9
GAS	71.8	632,160	0	TRUNG TÍNH	55,422	30.4	3.7
GEX	25.25	7,486,380	-4	TIÊU CỰC	35,372	29.1	1.8
GTN	26.15	2,719,189	-5	TIÊU CỰC	59,929	57.3	3.0
GVR	12.85	1,765,247	6	KHẢ QUAN	6,040	12.3	1.4
HAG	4.9	7,100,564	4	KHẢ QUAN	6,594	9.9	0.8
HAI	2.82	2,537,601	0	TRUNG TÍNH	6,483	11.9	0.7
HBC	9.86	3,827,884	-2	TRUNG TÍNH	1,237	#N/A	0.2
HCM	19.8	3,072,686	2	TRUNG TÍNH	5,167	15.2	0.8
HDB	30.35	1,198,256	2	TRUNG TÍNH	4,166	28.1	0.4
HDC	19.45	1,232,589	-6	TIÊU CỰC	8,273	25.1	1.1
HDG	24.1	1,994,117	6	KHẢ QUAN	7,436	9.3	1.5
HHS	4.77	2,740,750	-4	TIÊU CỰC	2,276	9.1	0.6
HNG	12.35	1,997,904	4	KHẢ QUAN	1,903	25.8	1.5
HPG	24.45	12,582,840	2	TRUNG TÍNH	1,598	5.4	1.1
HSG	11.9	8,682,218	4	KHẢ QUAN	37,159	#N/A	3.3
HUT	2.5	2,728,695	6	KHẢ QUAN	6,511	#N/A	2.6
HVN	26.2	650,548	0	TRUNG TÍNH	2,750	13.1	2.3
ITA	4.44	8,587,538	-4	TIÊU CỰC	5,623	8.7	0.7
KBC	13.8	2,038,664	-7	TIÊU CỰC	6,528	12.9	2.6
KDC	35.3	849,887	0	TRUNG TÍNH	2,651	8.9	0.7
KDH	24.1	589,871	4	KHẢ QUAN	10,492	8.3	3.2
KLF	1.7	1,529,545	2	TRUNG TÍNH	20,773	7.5	0.6
KOS	30.5	692,016	5	KHẢ QUAN	29,316	7.2	1.4
KSB	29.9	1,687,838	2	TRUNG TÍNH	8,988	6.4	0.7

LDG	6.59	2,822,633	7	KHẢ QUAN	51,400	17.0	1.1
LPB	9.2	4,717,940	3	TRUNG TÍNH	6,992	8.4	1.3
MBB	17.85	5,012,983	2	TRUNG TÍNH	7,478	7.5	1.4
MBG	5.5	1,640,045	7	KHẢ QUAN	133,450	17.8	3.6
MSN	55	1,390,648	4	KHẢ QUAN	940	4.3	0.9
MWG	93.4	996,897	7	KHẢ QUAN	13,625	15.0	3.3
NHH	55.5	171,627	-6	TIÊU CỰC	4,287	11.5	0.8
NKG	7.65	1,648,559	4	KHẢ QUAN	1,316	19.3	0.4
NLG	28	1,192,529	7	KHẢ QUAN	1,580	4.1	0.5
NVB	8.8	2,886,280	-4	TIÊU CỰC	3,265	5.6	0.7
NVL	62.9	1,275,199	6	KHẢ QUAN	11,999	8.1	1.1
PC1	19.5	436,111	7	KHẢ QUAN	3,580	79.5	0.8
PDR	36.8	1,048,124	7	KHẢ QUAN	4,544	5.4	0.4
PHR	58.5	1,471,712	2	TRUNG TÍNH	4,600	6.8	1.2
PLX	49.7	1,598,035	4	KHẢ QUAN	2,215	#N/A	0.3
PNJ	59.5	674,837	4	KHẢ QUAN	2,404	5.9	0.8
POW	10	3,519,566	2	TRUNG TÍNH	1,504	3.4	1.7
PVD	10.9	5,984,484	-4	TIÊU CỰC	7,260	122.9	1.3
PVS	12.3	3,726,070	0	TRUNG TÍNH	120,561	29.7	6.5
PVT	11.6	1,853,021	-2	TRUNG TÍNH	20,801	6.5	1.5
REE	38.7	441,551	-4	TIÊU CỰC	13,467	12.4	1.8
ROS	2.18	5,621,722	0	TRUNG TÍNH	1,413	7.0	1.0
SAB	188	122,582	-6	TIÊU CỰC	2,915	16.1	3.3
SBT	14.1	3,168,705	5	KHẢ QUAN	4,976	13.3	0.8
SHB	14.6	3,531,330	5	KHẢ QUAN	1,281	6.9	1.3
SHS	11.6	2,487,815	5	KHẢ QUAN	3,717	3.2	1.3
SSI	15.75	5,225,820	2	TRUNG TÍNH	13,691	#N/A	1.5
STB	11.15	7,997,570	4	KHẢ QUAN	446	7.4	0.5
SZC	27.5	1,609,718	6	KHẢ QUAN	2,204	8.9	1.3
TCB	21.3	2,465,531	2	TRUNG TÍNH	672	12.0	0.2
TCH	21.05	4,647,330	6	KHẢ QUAN	803	6.3	0.7
TCM	22.85	1,202,581	5	KHẢ QUAN	4,186	10.1	1.1
TNG	12.7	849,690	7	KHẢ QUAN	2,262	11.1	2.2
TVB	7.99	318,936	0	TRUNG TÍNH	3,107	9.0	0.8
VCB	82.3	1,276,896	0	TRUNG TÍNH	3,164	227.0	2.8
VCI	27.8	1,010,387	-2	TRUNG TÍNH	1,911	#N/A	3.9
VCS	67.6	236,000	7	KHẢ QUAN	1,737	2.9	0.4
VEA	44.1	108,235	7	KHẢ QUAN	2,607	5.7	0.8
VHC	41.1	657,402	4	KHẢ QUAN	428	21.2	0.2
VHM	77.7	1,940,334	7	KHẢ QUAN	1,311	4.2	0.4
VIB	22.5	1,338,045	0	TRUNG TÍNH	58,600	8.0	2.2
VIC	91.1	643,343	4	KHẢ QUAN	416	7.3	0.7
VJC	105.8	447,166	4	KHẢ QUAN	2,604	8.5	2.2
VND	12.5	589,780	-4	TIÊU CỰC	237	5.4	0.5
VNM	123.8	1,388,273	-4	TIÊU CỰC	4,601	9.7	1.9
VPB	22.85	4,341,926	7	KHẢ QUAN	515	110.0	0.3
VPI	40.8	647,875	-4	TIÊU CỰC	281	#N/A	0.2
VRE	28.4	2,858,395	5	KHẢ QUAN	518	33.0	1.5

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Cập nhật doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)

Khuyến nghị: **Nằm giữ**

Giá đóng cửa 03/09/2020	37.500	P/E (20F,x)	6,3
Giá mục tiêu (12T)	18.750	P/B (20F,x)	1,0
Vốn hóa (tỷ đồng)	43.043	Beta	1,0

- **Lãi ròng sau thuế nửa đầu năm đạt 3.975 tỷ đồng (+5,2% YoY), tương đương khoảng 48,4% kỳ vọng cả năm của chúng tôi**
- **Tích cực:** 1) Tăng tỷ lệ an toàn vốn; 2) Cải thiện hiệu quả hoạt động; 3) Tăng trưởng lợi nhuận được hỗ trợ bởi các yếu tố như chiến lược bán chéo sản phẩm, CASA cao và NIM cao.
- **Tiêu cực:** 1) Dự phòng tích lũy của MBB ở mức tương đối, do đó, khi chất lượng tài sản suy giảm, áp lực trích lập dự phòng sẽ lớn, khiến lợi nhuận sụt giảm; 2) Chuyển đổi cơ cấu tín dụng sang trái phiếu doanh nghiệp khiến rủi ro tín dụng gia tăng; 3) Gia tăng cạnh tranh.
- **Giảm mức định giá P/B phản ánh rủi ro từ COVID-19**

Chúng tôi khuyến nghị **NĂM GIỮ** cổ phiếu MBB với mức giá mục tiêu là 18.400 đồng. Mức giá mục tiêu này tương ứng mức định giá P/B là 0,97x. Trong kịch bản cơ sở, ROE năm 2020 có thể giảm xuống mức 17,7% (giảm 3,5 điểm % so với năm 2019). ROE trung bình giai đoạn 2020-2022 sẽ giảm xuống mức 16,2%, so với mức trung bình 17,6% của giai đoạn 2017-2019.

Các chỉ tiêu tài chính và định giá

Năm tài chính (31/12)	12/17	12/18	12/19	12/20F	12/21F	12/22F
Thu nhập lãi thuần (tỷ đồng)	11.281	14.624	18.078	20.219	21.779	24.205
Thu nhập ngoài lãi (tỷ đồng)	3.110	5.817	7.001	8.132	10.084	10.748
Lợi nhuận hoạt động (tỷ đồng)	4.616	7.767	10.036	10.585	11.854	14.441
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	3.520	6.113	7.823	8.220	9.130	11.154
EPS (đồng)	1.520	2.619	3.596	2.937	2.966	3.451
Tăng trưởng EPS	19,5	72,4	37,3	-18,3	1,0	16,4
P/E (x)	13,0	6,9	5,8	6,3	6,2	5,3
P/PPPOP (x)	5,8	3,9	3,2	2,9	2,8	2,7
P/B (x)	1,6	1,3	1,3	1,0	0,9	0,8
ROE (%)	12,5	19,2	21,1	17,7	15,5	15,7
Tỷ suất cổ tức (%)	2,2	2,6	2,7	0,0	10,0	10,5

Ghi chú: Lợi nhuận sau thuế là lợi nhuận sau khi trừ lợi ích cổ đông thiểu số

Nguồn: Dữ liệu công ty, Bloomberg, ước tính của Phòng Phân tích MASVN

Link báo cáo đầy đủ: <https://masvn.com/pdfViewer.do?screen=research&ids=7B80D736-569D-4FCE-9C58-40B18E309691>

Thông tin cập nhật

Thừa nhận gây bão của Tổng thống Trump về Covid-19

Tổng thống Trump đã có 18 cuộc phỏng vấn được ghi âm lại với vị nhà báo đã đi vào lịch sử báo chí Mỹ với vai trò phanh phui vụ bê bối Watergate (năm 1972-1974) - Bob Woodward. Nội dung các buổi phỏng vấn được nêu trong cuốn sách có tựa đề "Rage" (Thịnh nộ) sắp lên kệ, dự kiến vào ngày 15-9.

Trong một cuộc phỏng vấn vào tháng 2 với ông Woodward, Tổng thống Trump mô tả virus SARS-CoV-2 là "thứ chết người", mặc dù ông chủ Nhà Trắng dự đoán nó sẽ biến mất một cách kỳ diệu và so sánh nó với cúm mùa. "Anh chỉ cần hít thở và đó là cách nó trôi qua" - ông Trump nói như thế trong cuộc phỏng vấn hồi tháng 2.

Đến tháng 3, sau khi bài phát biểu về tình hình Covid-19 ngày càng nghiêm trọng, Tổng thống Trump nói với nhà báo Woodward: "Tôi luôn muốn giảm nhẹ sự trầm trọng. Tôi vẫn muốn giảm nhẹ nó lại. Vì tôi không muốn gây hoảng loạn".

Những phát ngôn này càng củng cố những chỉ trích mà ông Trump đang hứng chịu là đã coi nhẹ, chậm trễ trong xét nghiệm để rồi thất bại trong chống dịch Covid-19, khiến dịch lan rộng.

Ông Woodward đã ghi âm lại hầu hết các cuộc trao đổi giữa ông và Tổng thống Trump. Hơn nữa, nhà báo này còn công khai chúng để xác nhận tính chính xác của các trích dẫn liên quan đến ông Trump.

Nga bắt đầu tiêm vắc xin COVID-19 hàng loạt cho người dân

Tờ The Moscow Times đưa tin, hôm 9/9, các nhà chức trách Nga cho biết nước này đang tiến hành thử nghiệm giai đoạn 3 về tính an toàn và hiệu quả lâu dài đối với vắc xin COVID-19 là Sputnik V.

Phó Thị trưởng thủ đô Moscow - bà Anastasia Rakova chia sẻ, Nga đã bắt đầu tiêm những mũi vắc xin Sputnik V đầu tiên cho công chúng ngay trong tuần này.

Hãng thông tấn xã TASS của Nga dẫn phát ngôn của Bộ trưởng Y tế Mikhail Murashko, 31.000 trong số 40.000 tình nguyện viên đã tham gia tiêm thử nghiệm.

Bà Rakova thông tin thêm, mới đây cũng đã có hơn 35.000 người nộp đơn đăng kí tình nguyện tham gia thử nghiệm tiêm phòng.

Bà Rakova cho biết, các tình nguyện viên được tiêm vắc xin qua hai giai đoạn. Giai đoạn đầu tiên sẽ tiêm thành phần một của vắc xin. Và sau đó 21 ngày, tình nguyện viên sẽ được tiêm thành phần hai. Các thành phần này khác nhau về các hoạt chất, giúp tăng cường khả năng miễn dịch cho cơ thể.

ICAEW: Kinh tế Việt Nam có triển vọng phục hồi tươi sáng nhất Đông Nam Á

Theo báo cáo Triển vọng Kinh tế Toàn cầu từ Viện Kế toán Công chứng Anh và xứ Wales (ICAEW) được Oxford Economics công bố hôm nay, dữ liệu mới đây cho thấy giai đoạn phát triển sau lệnh đóng cửa được dỡ bỏ đã diễn ra mạnh mẽ và cho thấy mức tăng GDP ấn tượng trong quý III.

Tuy nhiên, một số ngành đã có những hiệu cho thấy đang bắt đầu mất đi đà tăng trưởng. Do đó, Oxford Economics đã cắt giảm dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2021 xuống còn 5,4% thay vì dự báo mức 5,8% hồi tháng trước. Đồng thời báo cáo cho thấy GDP thế giới dự kiến giảm 4,4% trong năm 2020 này.

Theo báo cáo này, ICAEW cho rằng triển vọng phục hồi sáng sủa nhất có lẽ thuộc về Việt Nam. ICAEW cho biết thêm Việt Nam dự kiến sẽ là nền kinh tế Đông Nam Á duy nhất đạt mức tăng trưởng tích cực trong năm nay với GDP tăng 2,3% trong năm 2020 và 8% vào năm 2021.

Về tổng thể, ICAEW dự kiến tăng trưởng GDP của Đông Nam Á sẽ giảm 4,2% vào năm 2020. Lí do là sức mạnh phục hồi kinh tế của khu vực này trong những quý tới, đặc biệt là quý IV vẫn chưa chắc chắn.

Xuất khẩu lô tôm đầu tiên sang châu Âu theo hiệp định EVFTA

Hôm nay (11/09), Lễ xuất khẩu lô sản phẩm tôm đông lạnh của Việt Nam đi một số nước Châu Âu theo hiệp định EVFTA.

Trong lĩnh vực chế biến, tôm xuất khẩu của Thông Thuận Group có hai nhà máy. Một nhà máy đặt tại khu công nghiệp Thành Hải tỉnh Ninh Thuận và một nhà máy đặt tại khu công nghiệp Suối Dầu tỉnh Khánh Hòa.

Doanh số xuất khẩu của hai nhà máy hàng năm đạt 100-120 triệu USD; với cơ cấu thị trường: Nhật Bản chiếm 35%; châu Âu chiếm 45%, Mỹ chiếm từ 10-15%, còn lại các thị trường khác.

Tháng 9, Thông Thuận Group dự kiến xuất khẩu 9,5 triệu USD trong đó xuất vào Châu Âu khoảng 4,5 triệu USD. Dự kiến trong năm 2020 doanh số xuất khẩu vào EU của Thông Thuận group đạt khoảng 45 triệu USD.

Theo Tổng Cục Thủy sản, tôm là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang châu Âu và Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ đầu tháng 1/8 đã mang đến triển vọng cho xuất khẩu tôm Việt Nam sang thị trường EU trong những tháng cuối năm 2020.

TP HCM: Kinh tế có chiều hướng phục hồi dần, quý IV/2020 sẽ tăng trưởng nhanh

Chiều ngày 9/9, Chủ tịch UBND Thành phố (TP) Nguyễn Thành Phong chủ trì phiên họp về tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội 8 tháng năm 2020 và triển khai nhiệm vụ tháng 9/2020.

Báo cáo tại phiên họp, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính thông tin, tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng 8 của TP HCM ước đạt khoảng giảm 5,2% so với cùng kì, tính chung 8 tháng năm 2020 giảm 3,3% so với cùng kì. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu tăng 4% và nhập khẩu giảm 2,8%.

Ngành du lịch TP chịu tác động nghiêm trọng, tổng thu từ du lịch giảm 42,6% so với cùng kì do ảnh hưởng của dịch COVID-19. Đối với lĩnh vực công nghiệp, chỉ số sản xuất công nghiệp của TP qua 8 tháng đầu năm ước tăng 2,1% so với cùng kì.

Một điểm sáng khác cho TP HCM là công tác giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020. Cụ thể, tính đến hết ngày 23/8, tổng số vốn đầu tư công của TP đã giải ngân đạt 50,5% tổng kế hoạch TP đã giao, cao gấp 2,35 lần về số vốn và tăng 1,89 lần về tỉ lệ giải ngân so với cùng kì.

Đề xuất đầu tư 7 tuyến cao tốc hơn 64.000 tỉ đồng tại ĐBSCL

Bộ Giao thông Vận tải (GTVT) vừa có công văn trả lời ý kiến của cử tri tỉnh An Giang về qui hoạch đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL).

Trả lời vấn đề trên, Bộ GTVT cho biết, theo qui hoạch được Thủ tướng phê duyệt, vùng ĐBSCL sẽ hình thành tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông và phía Tây; 3 tuyến cao tốc khu vực phía Nam là Bạc Liêu - Rạch Giá - Hà Tiên, Cần Thơ - Cà Mau và Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng với tổng chiều dài khoảng 998 km, tiến độ theo qui hoạch được duyệt đến sau năm 2030.

Để có cơ sở triển khai huy động vốn, từng bước đầu tư xây dựng các tuyến cao tốc nêu trên, Bộ GTVT đã trình Thủ tướng điều chỉnh qui hoạch mạng đường bộ cao tốc Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Đồng thời, Bộ cũng kiến nghị điều chỉnh lộ trình đầu tư tuyến cao tốc này lên giai đoạn trước năm 2030 và bổ sung tuyến cao tốc Hồng Ngự - Trà Vinh vào qui hoạch mạng đường bộ cao tốc Việt Nam làm cơ sở triển khai thực hiện theo qui định.

Bộ GTVT cũng cho biết đang xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn, trong đó riêng vùng ĐBSCL dự kiến đề xuất đầu tư giai đoạn phân kì của 7 tuyến đường bộ cao tốc với tổng vốn đầu tư khoảng 64.554 tỉ đồng.

Nikkei: Samsung đóng cửa nhà máy sản xuất TV cuối cùng ở Trung Quốc, dự kiến chuyển đến Việt Nam

Tháng 11 năm nay, Samsung Electronics sẽ đóng cửa nhà máy sản xuất TV cuối cùng ở Trung Quốc và chuyển dây chuyền đến Việt Nam, Mexico cùng một số địa điểm khác.

Samsung Electronics - hãng sản xuất TV màn hình phẳng hàng đầu thế giới, đã đánh mất thị phần tại Trung Quốc do sự cạnh tranh ngày càng gay gắt từ các đối thủ địa phương.

Năm 2016, Seoul đã quyết định triển khai lá chắn tên lửa do Mỹ phát triển và vấp phải sự phản đối của Bắc Kinh. Làn sóng tẩy chay sản phẩm của Samsung tại Trung Quốc cũng theo

đó mà bắt đầu và là một nguyên nhân khác cho quyết định của gã khổng lồ công nghệ Hàn Quốc.

Nhóm quỹ KIM không còn là cổ đông lớn của Chứng khoán Bản Việt (VCI)

Nhóm quỹ Korea Investment Management Co. Ltd. (KIM) vừa công bố thông tin về việc hạ tỉ trọng sở hữu tại Chứng khoán Bản Việt (Mã: VCI) và không còn trở thành cổ đông lớn.

Cụ thể, nhóm quỹ này đã bán ra 80.000 cổ phiếu VCI trong phiên giao dịch ngày 8/9 giảm số lượng cổ phần sở hữu xuống còn hơn hơn 8,2 triệu cp, tương đương 4,96% vốn điều lệ của Chứng khoán Bản Việt.

TOP 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2020

Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) đã công bố bảng xếp hạng Profit 500, Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2020.

Theo đó, TOP 10 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam được dẫn đầu là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN). Tiếp đó, là Công ty TNHH Samsung Electronics Thái Nguyên, Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Công ty Honda Việt Nam, Tập đoàn Vingroup - Công ty CP, Tổng công ty khí Việt Nam - Công ty CP, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) và CTCP Sữa Việt Nam (Vinamilk).

Hoàn tất thoái vốn, An Khánh JVC không còn là công ty liên kết của Vinaconex

Ngày 9/9/2020, Tổng CTCP Vinaconex (VCG) công bố thông tin hoàn tất giao dịch chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty liên doanh TNHH Phát triển đô thị mới An Khánh (An Khánh JVC). Theo đó, An Khánh JVC không còn là công ty liên kết của Vinaconex.

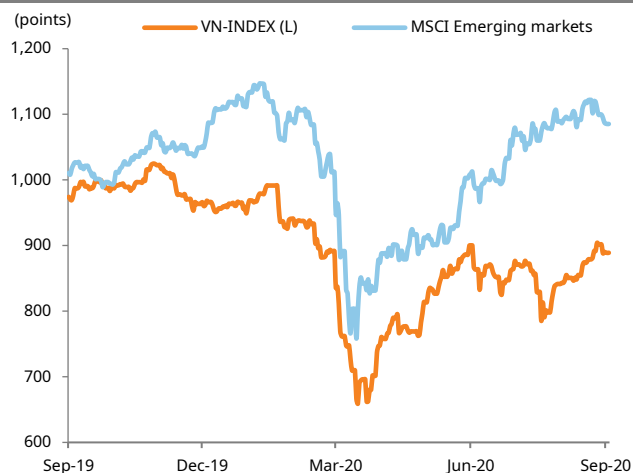
Trước đó, ngày 14/8, Vinaconex đã công bố thông tin về việc tái cấu trúc phần vốn của Tổng công ty tại An Khánh JVC. Thời điểm đó, Vinaconex nắm giữ 50% vốn góp tại An Khánh JVC và nửa còn lại thuộc sở hữu của công ty bất động sản Phú Long, một thành viên của Sovico.

Giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Vinaconex tại An Khánh JVC là 0 đồng. Do đó, việc hoàn tất bán cổ phần tại An Khánh JVC sẽ được Vinaconex ghi nhận lợi nhuận bất thường trong quý 3 này.

Bản tin thị trường

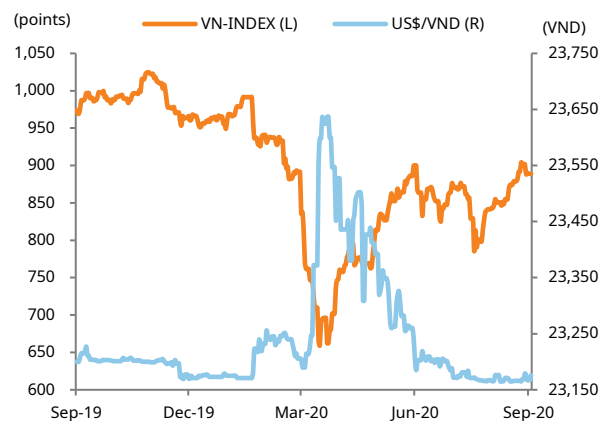
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



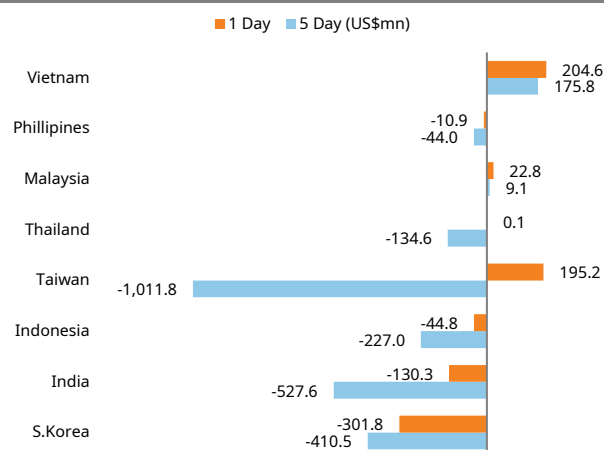
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



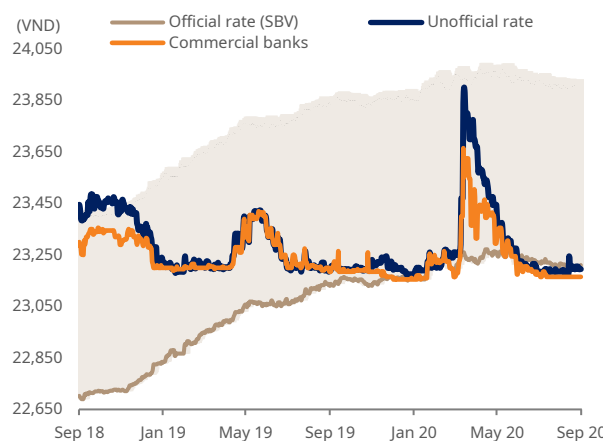
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



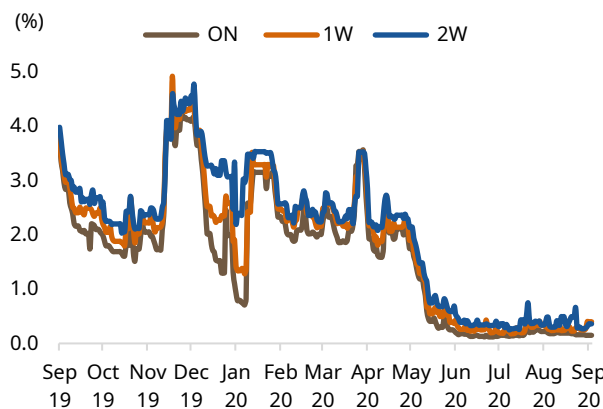
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY20	FY21	FY20	FY21
VN30 Index	VN30 Index	825.56	2,400,677		0.0	-1.8	5.2	-6.8	12.9	10.4	1.8	1.5	-11.0		15.6	16.0
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	40,450	162,691	17.6	-0.1	-3.9	5.1	5.9	34.6	20.0	2.2	2.0	-45.9		9.1	12.3
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	25,600	95,319	30.0	1.2	-1.5	10.3	29.3	13.8	11.2	1.2	1.1	-9.2		10.2	11.4
NHTMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	EIB VN	16,700	20,532	29.9	-0.6	-2.1	-1.8	-0.6	35.9	34.4	1.3	1.2	-33.9		3.6	3.6
CTCP FPT	FPT VN	49,150	38,529	49.0	-0.1	-1.7	4.6	4.5	11.3	9.7	2.4	2.1	18.2		23.9	25.0
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	71,800	137,422	3.3	-0.3	-3.8	2.6	-27.3	18.4	14.4	2.8	2.6	-36.4		15.5	19.2
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	30,350	29,316	20.7	3.6	2.2	13.7	19.5	7.3	6.4	1.3	1.1	13.5		20.2	20.1
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	24,450	81,010	35.2	-0.4	-2.0	0.8	33.1	8.6	7.2	1.5	1.2	25.2		18.1	19.4
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	24,100	13,467	42.9	0.6	-3.4	3.7	6.3	12.4	10.3	1.6	1.4	21.0		14.1	15.8
NHTMCP Quân đội	MBB VN	17,850	43,044	23.0	0.3	-1.1	8.2	-14.9	5.9	5.0	0.9	0.8	-15.8		18.0	17.6
Tập đoàn Masan	MSN VN	55,000	64,608	38.2	0.4	-2.3	0.7	-29.5	73.2	28.4	1.5	1.6	-84.2		2.2	6.0
CTCP Thế giới di động	MWG VN	93,400	42,280	49.0	-0.5	-0.7	17.5	-18.9	12.0	9.4	2.8	2.2	-9.8		26.8	27.4
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	62,900	61,065	5.6	0.2	0.2	-2.8	1.9	16.7	17.4	2.4	NA	5.2		14.3	11.9
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	49,700	59,929	15.6	-0.8	-3.7	8.8	-19.2	48.3	17.8	2.5	2.1	-67.5		5.8	15.1
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	59,500	13,395	49.0	-0.5	-1.8	8.0	-25.5	15.3	12.8	2.7	2.4	-21.8		21.3	23.2
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	10,000	23,419	11.1	-0.5	-3.8	4.3	-18.0	9.8	8.3	0.8	0.7	-0.4		8.5	9.3
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	38,700	11,999	49.0	-0.8	3.8	12.2	7.2	7.9	7.0	1.1	1.0	-7.2		13.4	14.0
CTCP Xây dựng FLC Faros	ROS VN	2,180	1,237	2.2	0.5	-1.8	-7.2	-92.0	NA	NA	NA	NA	NA		NA	NA
CTCP Bía Rượu Nước giải khát SG	SAB VN	188,000	120,561	63.2	-0.5	-2.2	5.3	-28.4	29.7	25.7	6.0	5.4	-15.4		20.9	23.2
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	14,100	8,273	5.6	0.0	-2.8	0.4	-16.3	11.8	NA	NA	NA	120.3		8.3	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	15,750	9,465	48.2	-0.6	2.3	7.1	-12.0	10.9	8.8	0.9	0.8	0.9		9.0	10.6
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	11,150	20,111	9.3	-0.4	-1.3	4.7	10.9	12.4	7.8	0.7	0.7	-19.5		6.8	9.0
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	21,300	74,553	22.5	-0.7	-2.5	9.5	-2.1	7.3	6.2	1.0	0.9	1.0		15.6	15.5
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	21,050	7,436	4.5	0.0	-1.6	2.7	-12.3	NA	NA	NA	NA	NA		NA	NA
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	82,300	305,241	23.6	0.2	-3.1	0.2	5.2	18.2	15.1	3.1	2.6	1.2		19.9	19.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	77,700	255,595	20.4	-0.5	-2.9	-2.1	-10.0	9.5	8.3	3.0	2.3	25.8		38.3	30.6
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	91,100	308,139	13.8	0.7	-3.1	4.1	-25.0	49.7	36.5	3.5	3.2	-24.7		6.6	8.7
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	105,800	55,422	17.7	-0.2	-1.7	6.3	-20.8	-1119.6	16.1	3.4	3.2	-101.3		8.9	21.4
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	123,800	215,583	58.6	-0.7	-1.0	8.1	1.4	20.8	19.3	7.2	6.4	8.9		37.8	38.2
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	22,850	55,703	23.4	0.2	-2.6	6.5	13.7	7.2	6.2	1.1	0.9	-5.6		16.7	16.2
CTCP Vincom Retail	VRE VN	28,400	64,534	30.6	0.0	-0.4	8.0	-16.3	25.4	18.8	2.2	2.1	-8.9		9.1	11.7

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimates

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Biến động giá (%)				P/E(X)*		P/B(X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE(%)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY20	FY21	FY20	FY21
VN-Index	-12.57	3,211,171	0.0	-1.4	5.4	-8.3	16.0	12.4	2.0	1.80	-9.0		14.7	15.6
Ô tô và phụ tùng	0.05	6,042	0.4	3.4	8.7	-3.8	6.2	4.2	0.7	0.7	NA		7.9	10.2
Ngân hàng	-6.10	825,412	0.3	-2.5	4.8	7.5	18.1	13.4	2.1	1.8	28.8		15.3	15.9
Xây dựng cơ bản	0.19	106,017	0.2	0.9	8.5	8.0	7.4	5.1	0.4	0.4	-14.8		6.2	6.5
Dịch vụ thương mại	0.00	3,964	0.2	0.0	5.3	-28.0	11.7	6.0	NA	NA	-1.4		6.7	12.7
May mặc và trang sức	0.00	22,738	-0.2	0.0	10.1	-16.1	10.3	8.4	1.7	1.6	9.6		14.2	15.6
Dịch vụ tiêu dùng	0.00	7,383	-0.4	0.0	2.6	-12.6	223.4	4.6	1.3	1.0	-28.2		0.0	7.2
Dịch vụ tài chính	0.15	34,025	0.5	1.6	14.5	9.7	7.7	5.5	0.7	0.6	NA		6.5	8.6
Năng lượng	-0.68	70,482	-0.6	-3.3	8.8	-20.2	44.4	16.9	2.2	1.9	7.8		5.4	13.4
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-1.15	494,725	-0.3	-0.8	6.5	-7.4	54.9	45.4	6.9	6.2	-5.7		22.6	23.6
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.01	907	-0.2	-2.0	27.4	43.9	NA	NA	NA	NA	-48.6		NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.06	7,868	0.5	2.8	19.8	8.5	5.9	5.8	1.2	1.0	-42.0		16.2	14.2
Bảo hiểm	-0.76	41,653	-1.4	-6.0	6.0	-29.3	24.6	20.8	1.6	1.5	5.2		5.8	7.0
Nguyên vật liệu	-0.13	157,922	0.2	-0.2	6.0	39.2	10.2	5.7	1.0	0.9	96.6		13.7	14.0
Giải trí và truyền thông	-0.01	1,446	-0.4	-3.0	-1.8	-25.3	20.6	15.0	1.3	1.2	NA		6.7	8.5
Dược phẩm	0.17	31,990	0.8	2.0	7.2	13.5	8.2	7.0	NA	NA	24.3		3.3	3.8
Bất động sản	-4.05	787,397	0.3	-1.7	2.9	-12.8	11.7	9.6	1.8	1.5	52.9		10.9	9.4
Bán lẻ	-0.05	49,243	-0.4	-0.4	15.8	-13.3	26.2	20.1	2.8	2.2	22.3		17.5	15.9
Phần mềm và dịch vụ	0.04	3,984	2.7	3.7	18.3	-0.6	11.0	8.6	2.4	2.0	-1.7		23.7	24.3
Thiết bị và phần cứng	-0.14	40,791	0.0	-1.2	5.6	11.3	NA	NA	NA	NA	20.4		NA	NA
Dịch vụ viễn thông	0.00	407	0.0	1.9	0.0	-4.5	11.3	9.6	2.4	2.1	-90.7		23.7	24.7
Vận tải	-0.09	137,957	-0.1	-0.2	8.6	-13.9	NA	NA	NA	NA	-6.6		NA	NA
Tiện ích	-1.53	210,302	-0.1	-2.4	3.1	-20.7	2.1	14.8	2.5	2.3	6.6		-7.2	15.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimate

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
GVR VN	12,850	7.08	2,300,922	0.96
PDR VN	36,800	20.66	1,016,188	0.66
BCM VN	43,300	5.35	342,662	0.64
HDB VN	30,350	2.19	1,387,558	0.18
HAG VN	4,900	12.64	11,778,222	0.14
REE VN	38,700	3.75	485,618	0.12
GMD VN	23,600	5.36	711,852	0.10
HNG VN	12,350	2.49	4,274,574	0.09
DHG VN	104,500	2.35	6,970	0.09
DPM VN	16,850	4.98	3,422,908	0.09

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	91,100	-3.09	557,216	-2.76
VCB VN	82,300	-3.06	1,199,076	-2.71
VHM VN	77,700	-2.88	2,472,234	-2.13
BID VN	40,450	-3.92	1,186,430	-1.87
GAS VN	71,800	-3.75	725,182	-1.51
BVH VN	47,650	-7.12	1,235,744	-0.76
SAB VN	188,000	-2.19	111,996	-0.76
PLX VN	49,700	-3.68	1,643,456	-0.64
VNM VN	123,800	-0.96	1,482,974	-0.59
TCB VN	21,300	-2.52	1,962,094	-0.54

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.